



### Lưỡi cưa

Dùng cho máy:

DTM51, TM3010C, TM3000C

Kích thước: W= rộng (mm), L= dài (mm)



### Lưỡi cưa phân đoạn 85

TMA045



Ứng dụng/khuyến cáo sử dụng

Gỗ, kim loại, phù hợp cắt ngang

Cắt khung cửa dài trên sàn

Cắt gỗ/ sàn gỗ

Cắt những khung nhỏ, dài

| Đường kính (mm) | Loại               | Cái/hộp | Mã số   |
|-----------------|--------------------|---------|---------|
| 85              | BiM, gỗ & kim loại | 1       | B-64799 |

### Lưỡi cưa phân đoạn 100

TMA005



Ứng dụng/khuyến cáo sử dụng

Gỗ, kim loại, phù hợp cắt ngang

Cắt khung cửa dài trên sàn

Cắt gỗ/ sàn gỗ

Cắt những khung nhỏ, dài

| Đường kính (mm) | Loại               | Cái/hộp | Mã số   |
|-----------------|--------------------|---------|---------|
| 100             | BiM, gỗ & kim loại | 1       | B-64808 |

### Lưỡi cưa phân đoạn 85

TMA049



Ứng dụng/khuyến cáo sử dụng

Gỗ, phù hợp cắt ngang

Cắt chìm gỗ cứng

Cắt ống nhựa dài

| Đường kính (mm) | Loại    | Cái/hộp | Mã số   |
|-----------------|---------|---------|---------|
| 85              | HSS, gỗ | 1       | B-64836 |

### Lưỡi cưa phân đoạn 85

TMA064



Ứng dụng/khuyến cáo sử dụng

Kim loại màu, FRP, PVC, phù hợp cho góc

Cắt thạch cao, xi măng sợi

Cắt những khung nhỏ, dài

Cắt epoxy, nhựa tổng hợp trong hốc

| Đường kính (mm) | Loại                 | Cái/hộp | Mã số   |
|-----------------|----------------------|---------|---------|
| 85              | BiM-TiN, đa vật liệu | 1       | B-64973 |

### Lưỡi cắt sâu



### Lưỡi cắt sâu 32

TMA047



Ứng dụng/khuyến cáo sử dụng

Cắt gỗ và kim loại, phù hợp cắt chính xác

Cắt gỗ sâu trên gỗ cứng

| Kích thước (mm) | Loại               | Cái/hộp | Mã số   |
|-----------------|--------------------|---------|---------|
| 32 x 50         | BiM, gỗ & kim loại | 1       | B-64814 |

### Lưỡi cắt sâu 65

TMA048



Ứng dụng/ khuyến cáo sử dụng

Cắt gỗ và đinh, phù hợp cắt chìm

Cắt gỗ có đinh

Cắt khung cửa dài

Cắt chìm trên tấm laminate

| Kích thước (mm) | Loại               | Cái/hộp | Mã số   |
|-----------------|--------------------|---------|---------|
| 65 x 40         | BiM, gỗ & kim loại | 1       | B-64820 |

### Lưỡi cắt sâu 24

TMA050



Ứng dụng/khuyến cáo sử dụng

Gỗ/ Gỗ mềm

Cắt các phần gỗ bị khuất

Cắt các vật liệu làm bằng gỗ dài

| Kích thước (mm) | Loại    | Cái/hộp | Mã số   |
|-----------------|---------|---------|---------|
| 24 x 50         | HCS, gỗ | 1       | B-64842 |

### Lưỡi cắt sâu 32

TMA051



Ứng dụng/khuyến cáo sử dụng

Gỗ/ Gỗ mềm

Cắt các phần gỗ bị khuất

Cắt các vật liệu làm bằng gỗ dài

| Kích thước (mm) | Loại    | Cái/hộp | Mã số   |
|-----------------|---------|---------|---------|
| 32 x 50         | HCS, gỗ | 1       | B-64858 |

### Lưỡi cắt sâu 65

TMA052



Ứng dụng/khuyến cáo sử dụng

Gỗ/ phù hợp cho cắt chìm

Cắt ngang

| Kích thước (mm) | Loại    | Cái/hộp | Mã số   |
|-----------------|---------|---------|---------|
| 65 x 40         | HCS, gỗ | 1       | B-64864 |

Lưỡi cắt sâu 32

TMA053



Ứng dụng/khuyến cáo sử dụng  
Gỗ cứng/ thích hợp cho cắt chính xác  
Cắt chìm gỗ cứng  
Cắt các phần gỗ trong hốc  
Cắt chìm tấm laminate

| Kích thước (mm) | Loại    | Cái/hộp | Mã số   |
|-----------------|---------|---------|---------|
| 32 x 50         | BiM, gỗ | 1       | B-64870 |

Lưỡi cắt sâu 32

TMA054



Ứng dụng/khuyến cáo sử dụng  
Gỗ/ thích hợp cho cắt chính xác  
Cắt các phần gỗ trong hốc

| Kích thước (mm) | Loại    | Cái/hộp | Mã số   |
|-----------------|---------|---------|---------|
| 32 x 50         | HCS, gỗ | 1       | B-64886 |

Lưỡi cắt sâu 65

TMA055



Ứng dụng/khuyến cáo sử dụng  
Gỗ cứng/ thích hợp cho cắt chính xác  
Cắt chìm tấm laminate hoặc gỗ cứng  
Cắt các phần gỗ trong hốc  
Cắt chìm gỗ

| Kích thước (mm) | Loại    | Cái/hộp | Mã số   |
|-----------------|---------|---------|---------|
| 65 x 40         | BiM, gỗ | 1       | B-64892 |

Lưỡi cắt sâu 65

TMA056



Ứng dụng/khuyến cáo sử dụng  
Gỗ cứng/ thích hợp cho cắt chìm  
Cắt các phần gỗ trong hốc  
Cắt chìm gỗ

| Kích thước (mm) | Loại    | Cái/hộp | Mã số   |
|-----------------|---------|---------|---------|
| 65 x 40         | HCS, gỗ | 1       | B-64901 |

Lưỡi cắt sâu 10

TMA057



Ứng dụng/khuyến cáo sử dụng  
Kim loại/ Phù hợp cắt đỉnh hoặc tấm thạch cao  
Cắt chìm tấm thạch cao

| Kích thước (mm) | Loại          | Cái/hộp | Mã số   |
|-----------------|---------------|---------|---------|
| 10 x 30         | BiM, Kim loại | 1       | B-64917 |

Lưỡi cắt sâu 20

TMA058



Ứng dụng/khuyến cáo sử dụng  
Kim loại/ phù hợp cho cắt đỉnh hoặc ống đồng  
Cắt chìm tấm thạch cao

| Kích thước (mm) | Loại          | Cái/hộp | Mã số   |
|-----------------|---------------|---------|---------|
| 20 x 30         | BiM, kim loại | 1       | B-64923 |

Lưỡi cắt sâu 32

TMA059



Ứng dụng/khuyến cáo sử dụng  
Kim loại/ phù hợp cho cắt đỉnh hoặc ống đồng  
Cắt chìm tấm thạch cao

| Kích thước (mm) | Loại          | Cái/hộp | Mã số   |
|-----------------|---------------|---------|---------|
| 32 x 50         | BiM, kim loại | 1       | B-64939 |

Lưỡi cửa cho máy đa năng 20

TMA060



Ứng dụng/khuyến cáo sử dụng  
Kim loại/ phù hợp cắt các trục vít và đinh cứng  
Cắt inox  
Cắt sợi thủy tinh

| Kích thước (mm) | Loại            | Cái/hộp | Mã số   |
|-----------------|-----------------|---------|---------|
| 20 x 40         | TC/HM, kim loại | 1       | B-64945 |

Lưỡi cửa cho máy đa năng 32

TMA061



Ứng dụng/khuyến cáo sử dụng  
Kim loại/ phù hợp cắt các trục vít và đinh cứng  
Cắt inox  
Cắt sợi thủy tinh

| Kích thước (mm) | Loại            | Cái/hộp | Mã số   |
|-----------------|-----------------|---------|---------|
| 32 x 40         | TC/HM, kim loại | 1       | B-64951 |

Lưỡi cửa cho máy đa năng 45

TMA079



Ứng dụng/khuyến cáo sử dụng  
Kim loại/ phù hợp cắt các trục vít và đinh cứng  
Cắt inox, nhôm, sợi thủy tinh, thạch cao

| Kích thước (mm) | Loại            | Cái/hộp | Mã số   |
|-----------------|-----------------|---------|---------|
| 45 x 40         | TC/HM, kim loại | 1       | B-69755 |

**Lưỡi cắt sâu 32**

TMA080



Ứng dụng/khuyến cáo sử dụng  
Kim loại/ phù hợp cắt các trục vít và đinh cứng  
Cắt inox, nhôm, sợi thủy tinh, thạch cao

| Kích thước (mm) | Loại               | Cái/hộp | Mã số   |
|-----------------|--------------------|---------|---------|
| 32 x 40         | TC/HM, đa vật liệu | 1       | B-69761 |

**Lưỡi cắt sâu 53**

TMA081



Ứng dụng/khuyến cáo sử dụng  
Đa vật liệu / Thích hợp để cắt chính xác và nhanh chóng tấm thạch cao  
1 lưỡi cắt thực hiện công việc của 2 (cắt chìm & cắt trên). Cắt thạch cao, gỗ, epoxy

| Kích thước (mm) | Loại             | Cái/hộp | Mã số   |
|-----------------|------------------|---------|---------|
| 53 x 40         | BiM, đa vật liệu | 1       | B-69777 |

**Lưỡi lọc****Lưỡi lọc 52**

TMA065



Ứng dụng/ khuyến cáo sử dụng  
Lọc vữa, chất kết dính (khi thay gạch bề)  
Lọc vữa và bê tông thừa  
Lọc các chất keo giòn, cứng dính thâm

| Kích thước (mm) | Loại | Cái/hộp | Mã số   |
|-----------------|------|---------|---------|
| 52 x 26         | HCS  | 1       | B-64989 |

**Lưỡi lọc mềm 52**

TMA066



Ứng dụng/ khuyến cáo sử dụng  
Lọc các chất keo mềm dính thâm  
Cạo bỏ lớp sơn  
Cạo silicon khô cứng

| Kích thước (mm) | Loại | Cái/hộp | Mã số   |
|-----------------|------|---------|---------|
| 52 x 40         | HCS  | 1       | B-64995 |

**Lưỡi cắt kim cương****Lưỡi cắt phân đoạn 100**

TMA063



Ứng dụng/ Khuyến cáo sử dụng  
Nhựa chắc, cao su, thích hợp với các vật liệu cách nhiệt  
Cắt chiều dài của sản phẩm cách nhiệt  
Cắt tấm cách nhiệt  
Cắt vật liệu mềm ( các-tông, thảm,da)

| Kích thước (mm) | Loại | Cái/hộp | Mã số   |
|-----------------|------|---------|---------|
| 100             | BiM  | 1       | B-64967 |

**Lưỡi cắt khớp nối**

TMA067



Ứng dụng/ Khuyến cáo sử dụng  
Cắt các đường ron mềm  
Cắt bột trám cửa  
Cắt các vật liệu cách nhiệt

| Kích thước (mm) | Loại | Cái/hộp | Mã số   |
|-----------------|------|---------|---------|
| 28 x 40         | HCS  | 1       | B-65006 |

**Lưỡi cắt đa năng**

TMA082



Ứng dụng/ Khuyến cáo sử dụng  
Cắt teaksealant, vật liệu chống thấm

| Kích thước (mm) | Loại | Cái/hộp | Mã số   |
|-----------------|------|---------|---------|
| 28 x 40         | HCS  | 1       | B-65006 |

**Lưỡi cắt đa năng**

TMA068



Ứng dụng/ Khuyến cáo sử dụng  
Cắt các vật liệu cách nhiệt  
Cắt bột trám cửa  
Cắt các đường ron mềm

| Kích thước (mm) | Loại | Cái/hộp | Mã số   |
|-----------------|------|---------|---------|
| 11 x 24         | HCS  | 1       | B-65012 |

Lưỡi cắt đường chỉ và mài



Lưỡi cắt ron TC

TMA074



Ứng dụng/ khuyến cáo sử dụng  
Cắt đường chỉ trên tường và sàn gạch  
Cạo vữa, ron dán gạch  
Cạo các rãnh trong hóc hẹp nhất bằng mũi CT

| Kích thước (mm) | Loại         | Cái/hộp | Mã số   |
|-----------------|--------------|---------|---------|
| 70              | Hạt TC/HM 40 | 1       | B-65078 |

Lưỡi cắt sâu 32

TMA075



Ứng dụng/ khuyến cáo sử dụng  
Cắt chìm và giữa sợi thủy tinh  
Cắt bỏ rìa sợi thủy tinh  
Loại bỏ vữa trong góc hẹp

| Kích thước (mm) | Loại         | Cái/hộp | Mã số   |
|-----------------|--------------|---------|---------|
| 32 x 30         | Hạt TC/HM 50 | 1       | B-65084 |

Lưỡi chà nhám 32

TMA076



Ứng dụng/ khuyến cáo sử dụng  
Chà nhám trong ống hẹp  
Sơn sàn gỗ chà nhám ở khu vực khó tiếp cận  
Chà nhám gỗ, gỗ nhựa và epoxy

| Kích thước (mm) | Loại         | Cái/hộp | Mã số   |
|-----------------|--------------|---------|---------|
| 32 x 50         | Hạt TC/HM 40 | 1       | B-65090 |

Lưỡi chà nhám 32

TMA077



Ứng dụng/ khuyến cáo sử dụng  
Chà nhám trong ống hẹp  
Sơn sàn gỗ chà nhám ở khu vực khó tiếp cận  
Chà nhám gỗ, gỗ nhựa và epoxy

| Kích thước (mm) | Loại          | Cái/hộp | Mã số   |
|-----------------|---------------|---------|---------|
| 32 x 50         | Hạt TC/HM 100 | 1       | B-65109 |

Lưỡi cưa phân đoạn TC 85

TMA069



Ứng dụng/ khuyến cáo sử dụng  
Cắt các đường chỉ trên tường và sàn gạch  
Cắt nhỏ hơn đối với gạch tường mềm  
Cắt các rãnh bê tông, dùng đặt ống và dây cáp

| Kích thước (mm) | Loại         | Cái/hộp | Mã số   |
|-----------------|--------------|---------|---------|
| 85              | Hạt TC/HM 30 | 1       | B-65028 |

Lưỡi cưa phân đoạn TC 70

TMA071



Ứng dụng/ khuyến cáo sử dụng  
Cắt các đường chỉ nông 1/16" trên tường gạch  
Cắt epoxy, nhựa tổng hợp trong góc hẹp  
Mài các rãnh bê tông để đi đường ống và cáp

| Đường kính (mm) | Loại         | Cái/hộp | Mã số   |
|-----------------|--------------|---------|---------|
| 70              | Hạt TC/HM 50 | 1       | B-65040 |

Lưỡi cưa phân đoạn TC 85

TMA072



Ứng dụng/ khuyến cáo sử dụng  
Cắt các đường chỉ nông 1/16" trên tường gạch  
Cắt epoxy, nhựa tổng hợp trong góc hẹp  
Mài các rãnh bê tông

| Đường kính (mm) | Loại         | Cái/hộp | Mã số   |
|-----------------|--------------|---------|---------|
| 85              | Hạt TC/HM 40 | 1       | B-65056 |

Lưỡi cắt kim cương phân đoạn



Lưỡi cắt kim cương phân đoạn 85

TMA070



Ứng dụng/ khuyến cáo sử dụng  
Cắt gạch tường mềm và FRP  
Mài epoxy, nhựa tổng hợp bị nứt  
Mài các đường nổi trên tường gạch

| Đường kính (mm) | Loại             | Cái/hộp | Mã số   |
|-----------------|------------------|---------|---------|
| 85              | Hạt kim cương 40 | 1       | B-65034 |



Tấm nhám



Tấm nhám TC 78

TMA073



Ứng dụng/khuyến cáo sử dụng  
Cạo vữa và chất kết dính gạch  
Cạo các vẩy thừa từ bề mặt khoáng sản



| Kích thước (mm) | Loại         | Cái/hộp | Mã số   |
|-----------------|--------------|---------|---------|
| 78              | Hạt TC/HM 20 | 1       | B-65062 |

Tấm nhám TC 90

TMA083



Ứng dụng/khuyến cáo sử dụng  
Loại bỏ vữa, chất kết dính gạch, sơn trên sợi thủy tinh  
Cạo các vẩy thừa từ bề mặt khoáng sản



| Kích thước (mm) | Loại         | Cái/hộp | Mã số   |
|-----------------|--------------|---------|---------|
| 90              | Hạt TC/HM 20 | 1       | B-69799 |

Tấm nhám TC 90

TMA084



Ứng dụng/khuyến cáo sử dụng  
Chà nhám trong gỗ với sơn, sơn sợi thủy tinh  
Loại bỏ vữa, keo dán gạch, cặn dính thâm từ bề mặt khoáng sản



| Kích thước (mm) | Loại         | Cái/hộp | Mã số   |
|-----------------|--------------|---------|---------|
| 90              | Hạt TC/HM 40 | 1       | B-69808 |

Tấm nhám TC 90

TMA085



Ứng dụng/khuyến cáo sử dụng  
Chà nhám trong gỗ, gỗ với sơn thô



| Kích thước (mm) | Loại         | Cái/hộp | Mã số   |
|-----------------|--------------|---------|---------|
| 90              | Hạt TC/HM 60 | 1       | B-69814 |

Tấm nhám TC 90

TMA086



Ứng dụng/khuyến cáo sử dụng  
Chà nhám trong gỗ cho bề mặt mịn



| Kích thước (mm) | Loại          | Cái/hộp | Mã số   |
|-----------------|---------------|---------|---------|
| 90              | Hạt TC/HM 100 | 1       | B-69820 |

Đế nhám

TMA078



| Kích thước (mm) | Loại     | Cái/hộp | Mã số   |
|-----------------|----------|---------|---------|
| 93              | Gai & xù | 1       | B-65115 |

Bộ lưỡi đa năng (có hộp đựng)

Các thành phần của mỗi bộ được đóng gói trong hộp hoàn tất.  
Hộp đựng có thể thêm vào vỏ nhựa của TM3010C, DTM51 và DTM41.



| Bao gồm                                | Mã số    |
|----------------------------------------|----------|
| TMA045, TMA047, TMA053, TMA058, TMA078 | 199542-0 |

Bộ lưỡi đa năng

Bộ lưỡi dùng cho gạch

Lưỡi cưa 20 TMA058  
Lưỡi cắt 52 cứng TMA065  
Lưỡi cưa phân đoạn 85 TMA069  
Đế chà nhám 78 TMA073



| Mã số   |
|---------|
| B-67496 |

Bộ lưỡi dùng cho sàn

Lưỡi cưa phân đoạn 85 TMA045  
Lưỡi cưa 65 TMA048  
Lưỡi cưa 32 TMA051  
Lưỡi cưa mềm 52 TMA066



| Mã số   |
|---------|
| B-67505 |

Bộ lưỡi dùng cho ngành mộc

Lưỡi cưa phân đoạn 85 TMA045  
Lưỡi cưa 32 TMA047  
Lưỡi cưa 32 TMA053  
Lưỡi cưa 20 TMA058



| Mã số   |
|---------|
| B-67480 |

Bộ lưỡi dùng cho ngành mộc

Lưỡi cưa phân đoạn 85 TMA045  
Lưỡi cưa 32 TMA047  
Lưỡi cưa 32 TMA053  
Đế nhám x2 cái



| Mã số   |
|---------|
| B-67511 |



Giấy nhám delta

Dùng với để nhám B-21537(OIS) hoặc B-65115(STARLOCK)  
Loại gai và xù

Gỗ/ tuổi thọ cao



Phù hợp cho chà nhám gỗ, gỗ cứng, bán cấu trúc và kim loại

| Kích thước (mm) | Hạt                | Cái/hộp             | Mã số   |
|-----------------|--------------------|---------------------|---------|
| 94              | 60                 | 10                  | B-21565 |
| 94              | 80                 | 10                  | B-21571 |
| 94              | 100                | 10                  | B-21587 |
| 94              | 120                | 10                  | B-21593 |
| 94              | 180                | 10                  | B-21602 |
| 94              | 240                | 10                  | B-22931 |
| 94              | 60,80,100, 120,180 | 10 (mỗi loại 2 cái) | B-21559 |

Gỗ



Phù hợp cho chà nhám gỗ và vật liệu làm bằng gỗ

| Kích thước (mm) | Hạt                   | Cái/hộp             | Mã số   |
|-----------------|-----------------------|---------------------|---------|
| 94              | 60                    | 10                  | B-21624 |
| 94              | 80                    | 10                  | B-21630 |
| 94              | 100                   | 10                  | B-22947 |
| 94              | 120                   | 10                  | B-21646 |
| 94              | 150                   | 10                  | B-22953 |
| 94              | 180                   | 10                  | B-21652 |
| 94              | 240                   | 10                  | B-21668 |
| 94              | 60,80,120, 180,240    | 10 (mỗi loại 2 cái) | B-21618 |
| 94              | 80, 100, 120, 150,180 | 10 (mỗi loại 2 cái) | A-95853 |

Gỗ/loại kính tế

Thích hợp để chà nhám gỗ, vật liệu gỗ và kim loại



| Kích thước (mm) | Hạt | Cái/hộp | Mã số   |
|-----------------|-----|---------|---------|
| 94              | 40  | 10      | D-58578 |
| 94              | 60  | 10      | D-58584 |
| 94              | 80  | 10      | D-58590 |
| 94              | 100 | 10      | D-58609 |
| 94              | 120 | 10      | D-58615 |
| 94              | 150 | 10      | D-58621 |
| 94              | 180 | 10      | D-58637 |
| 94              | 240 | 10      | D-58643 |
| 94              | 320 | 10      | D-58659 |

Sơn



Phù hợp cho cạo sơn, vec-ni

| Kích thước (mm) | Hạt                | Cái/hộp             | Mã số   |
|-----------------|--------------------|---------------------|---------|
| 94              | 60                 | 10                  | B-21680 |
| 94              | 80                 | 10                  | B-21696 |
| 94              | 100                | 10                  | B-21705 |
| 94              | 120                | 10                  | B-22969 |
| 94              | 240                | 10                  | B-21711 |
| 94              | 320                | 10                  | B-21727 |
| 94              | 60,80,100, 240,320 | 10 (mỗi loại 2 cái) | B-21674 |

Đá



Dùng chà nhám thô, đá và kính

| Kích thước (mm) | Hạt                   | Cái/hộp             | Mã số   |
|-----------------|-----------------------|---------------------|---------|
| 94              | 120                   | 10                  | B-21749 |
| 94              | 240                   | 10                  | B-21755 |
| 94              | 400                   | 10                  | B-21761 |
| 94              | 600                   | 10                  | B-21777 |
| 94              | 1200                  | 10                  | B-21783 |
| 94              | 120,240,400, 600,1200 | 10 (mỗi loại 2 cái) | B-21733 |

Nhám lông cừu



Phù hợp cho đánh gi kim loại và làm sạch gỗ

| Kích thước (mm) | Hạt             | Cái/hộp | Mã số   |
|-----------------|-----------------|---------|---------|
| 94              | Thô / 100       | 1       | B-21808 |
| 94              | Vừa / 280       | 1       | B-21799 |
| 94              | Không có đá mặt | 1       | B-21814 |

Nhám đánh bóng



Phù hợp cho đánh bóng bề mặt bần và trầy xước

| Kích thước (mm) | Hạt  | Cái/hộp | Mã số   |
|-----------------|------|---------|---------|
| 94              | Cứng | 1       | B-21820 |

### Ứng dụng của giấy nhám

Đánh giá sự phù hợp cho ứng dụng:

AA = Đặc biệt phù hợp

A = Phù hợp

n.r = Không xếp hạng



| Ứng dụng và xếp hạng trên từng vật liệu |                | Hạt  | Sơn | Vec-ni | Chất làm đầy | Vữa nhám | Gỗ / vật liệu như gỗ | Gỗ mềm | Gỗ cứng | Ván ép | Các tông/MDF | Kim loại | Thép (Thép mềm / thép cacbon) | Đá  | Cần thạch | Granit | Kính | Kính pespêch | Corian® | Nhựa được gia cố thủy tinh |
|-----------------------------------------|----------------|------|-----|--------|--------------|----------|----------------------|--------|---------|--------|--------------|----------|-------------------------------|-----|-----------|--------|------|--------------|---------|----------------------------|
| Gỗ / tuổi thọ cao                       | Thô            | 60   | n.r | n.r    | n.r          | n.r      | AA                   | AA     | AA      | AA     | AA           | AA       | A                             | n.r | n.r       | n.r    | n.r  | n.r          | n.r     | n.r                        |
|                                         | Vừa            | 80   |     |        |              |          |                      |        |         |        |              |          |                               |     |           |        |      |              |         |                            |
|                                         |                | 100  |     |        |              |          |                      |        |         |        |              |          |                               |     |           |        |      |              |         |                            |
|                                         |                | 120  |     |        |              |          |                      |        |         |        |              |          |                               |     |           |        |      |              |         |                            |
|                                         | Hoàn thiện     | 180  |     |        |              |          |                      |        |         |        |              |          |                               |     |           |        |      |              |         |                            |
|                                         |                | 240  |     |        |              |          |                      |        |         |        |              |          |                               |     |           |        |      |              |         |                            |
| Gỗ                                      | Thô            | 60   | n.r | n.r    | n.r          | n.r      | AA                   | A      | AA      | AA     | AA           | n.r      | n.r                           | n.r | n.r       | n.r    | n.r  | n.r          | n.r     | n.r                        |
|                                         | Vừa            | 80   |     |        |              |          |                      |        |         |        |              |          |                               |     |           |        |      |              |         |                            |
|                                         |                | 100  |     |        |              |          |                      |        |         |        |              |          |                               |     |           |        |      |              |         |                            |
|                                         |                | 120  |     |        |              |          |                      |        |         |        |              |          |                               |     |           |        |      |              |         |                            |
|                                         | Hoàn thiện     | 150  |     |        |              |          |                      |        |         |        |              |          |                               |     |           |        |      |              |         |                            |
|                                         |                | 180  |     |        |              |          |                      |        |         |        |              |          |                               |     |           |        |      |              |         |                            |
| Sơn                                     | Thô            | 60   | AA  | AA     | AA           | AA       | n.r                  | n.r    | A       | n.r    | n.r          | A        | A                             | n.r | n.r       | n.r    | n.r  | n.r          | n.r     | n.r                        |
|                                         | Vừa            | 80   |     |        |              |          |                      |        |         |        |              |          |                               |     |           |        |      |              |         |                            |
|                                         |                | 100  |     |        |              |          |                      |        |         |        |              |          |                               |     |           |        |      |              |         |                            |
|                                         |                | 120  |     |        |              |          |                      |        |         |        |              |          |                               |     |           |        |      |              |         |                            |
|                                         | Hoàn thiện     | 240  |     |        |              |          |                      |        |         |        |              |          |                               |     |           |        |      |              |         |                            |
|                                         |                | 320  |     |        |              |          |                      |        |         |        |              |          |                               |     |           |        |      |              |         |                            |
| Đá                                      | Vừa            | 120  | A   | AA     | n.r          | n.r      | n.r                  | n.r    | n.r     | n.r    | n.r          | n.r      | A                             | A   | A         | A      | A    | A            | A       | A                          |
|                                         | Hoàn thiện     | 240  |     |        |              |          |                      |        |         |        |              |          |                               |     |           |        |      |              |         |                            |
|                                         | 400            |      |     |        |              |          |                      |        |         |        |              |          |                               |     |           |        |      |              |         |                            |
|                                         | 600            |      |     |        |              |          |                      |        |         |        |              |          |                               |     |           |        |      |              |         |                            |
|                                         | Rất hoàn thiện | 1200 |     |        |              |          |                      |        |         |        |              |          |                               |     |           |        |      |              |         |                            |
| Loại kinh tế                            |                |      |     |        |              |          |                      |        |         |        |              |          |                               |     |           |        |      |              |         |                            |
| Gỗ                                      | Thô            | 40   | A   | A      | n.r          | n.r      | AA                   | AA     | AA      | AA     | A            | A        | A                             | n.r | n.r       | n.r    | n.r  | n.r          | n.r     | n.r                        |
|                                         |                | 60   |     |        |              |          |                      |        |         |        |              |          |                               |     |           |        |      |              |         |                            |
|                                         |                | 80   |     |        |              |          |                      |        |         |        |              |          |                               |     |           |        |      |              |         |                            |
|                                         | Vừa            | 100  |     |        |              |          |                      |        |         |        |              |          |                               |     |           |        |      |              |         |                            |
|                                         |                | 120  |     |        |              |          |                      |        |         |        |              |          |                               |     |           |        |      |              |         |                            |
|                                         |                | 150  |     |        |              |          |                      |        |         |        |              |          |                               |     |           |        |      |              |         |                            |
|                                         |                | 180  |     |        |              |          |                      |        |         |        |              |          |                               |     |           |        |      |              |         |                            |
|                                         | Hoàn thiện     | 240  |     |        |              |          |                      |        |         |        |              |          |                               |     |           |        |      |              |         |                            |
|                                         |                | 320  |     |        |              |          |                      |        |         |        |              |          |                               |     |           |        |      |              |         |                            |

Lưỡi cưa

Dùng cho kiểu máy  
DTM51, DTM50, DTM41, DTM40, TM3010C, TM3000C  
Kích thước: W= chiều rộng (mm), L= chiều dài (mm)



Lưỡi cưa phân đoạn 85

TMA001



Ứng dụng/khuyến cáo sử dụng  
Kim loại màu,FRP, PVC, phù hợp cho góc  
Cắt thạch cao, xi măng sợi  
Cắt những khung nhỏ, dài  
Cắt epoxy, nhựa tổng hợp trong hốc



| Đường kính (mm) | Loại                        | Mã số                             |
|-----------------|-----------------------------|-----------------------------------|
| 85              | BiM-TiN, đa vật liệu, phẳng | B-21272<br><i>Số lượng có hạn</i> |

Lưỡi cưa phân đoạn 65

TMA002



Ứng dụng/khuyến cáo sử dụng  
Kim loại màu,FRP, PVC, phù hợp cho góc  
Cắt epoxy, nhựa tổng hợp trong hốc  
Cắt tấm kim loại 1mm  
Lấy đi bột trám cửa hoặc matit trên cửa sổ cũ



| Đường kính (mm) | Loại                        | Mã số                             |
|-----------------|-----------------------------|-----------------------------------|
| 65              | BiM-TiN, đa vật liệu, phẳng | B-21288<br><i>Số lượng có hạn</i> |

Lưỡi cưa phân đoạn 100

TMA005



Ứng dụng/khuyến cáo sử dụng  
Gỗ, kim loại, phù hợp cắt sâu  
Cắt khung cửa dài trên sàn  
Cắt gỗ/sàn gỗ  
Cắt những khung nhỏ, dài



| Đường kính (mm) | Loại                     | Mã số                             |
|-----------------|--------------------------|-----------------------------------|
| 100             | BiM, gỗ kim loại, offset | B-21319<br><i>Số lượng có hạn</i> |

Lưỡi cưa phân đoạn 85

TMA006



Ứng dụng/khuyến cáo sử dụng  
Gỗ, kim loại, phù hợp cắt ngang  
Cắt khung cửa dài trên sàn  
Cắt gỗ/ sàn gỗ  
Cắt những khung nhỏ, dài



| Đường kính (mm) | Loại                     | Mã số                             |
|-----------------|--------------------------|-----------------------------------|
| 85              | BiM, gỗ kim loại, offset | B-21325<br><i>Số lượng có hạn</i> |

Lưỡi cắt sâu



Lưỡi cắt sâu 28

TMA009



Ứng dụng/khuyến cáo sử dụng  
Cắt gỗ và kim loại, phù hợp cắt sâu trên gỗ  
Cắt gỗ sâu, chà nhám gỗ, nhựa  
Cắt ống phi kim  
Cắt đinh mềm và màu kim loại có kích thước nhỏ



| Kích thước (mm) | Loại                | Mã số                             |
|-----------------|---------------------|-----------------------------------|
| 28 x 50         | BiM, gỗ và kim loại | B-21353<br><i>Số lượng có hạn</i> |

Lưỡi cắt sâu 32

TMA012



Ứng dụng/khuyến cáo sử dụng  
Gỗ/ Gỗ mềm  
Cắt các phần gỗ bị khuất  
Cắt các vật liệu làm bằng gỗ dài



| Kích thước (mm) | Loại    | Mã số                             |
|-----------------|---------|-----------------------------------|
| 32 x 40         | HCS, gỗ | B-21381<br><i>Số lượng có hạn</i> |

Lưỡi cắt sâu 20

TMA013



Ứng dụng/khuyến cáo sử dụng  
Gỗ/ Gỗ mềm  
Cắt các phần gỗ bị khuất  
Cắt các vật liệu làm bằng gỗ dài



| Kích thước (mm) | Loại    | Mã số                             |
|-----------------|---------|-----------------------------------|
| 20 x 30         | HCS, gỗ | B-21397<br><i>Số lượng có hạn</i> |



### Lưỡi cắt sâu 10

TMA017



Ứng dụng/khuyến cáo sử dụng

Kim loại/ phù hợp cho việc cắt ngang đinh và thạch cao

Công việc điều chỉnh trên kim loại màu

Cắt chỉnh tấm thạch cao

| Kích thước (mm) | Loại          | Mã số                             |
|-----------------|---------------|-----------------------------------|
| 10 x 20         | BiM, kim loại | B-21434<br><i>Số lượng có hạn</i> |

### Lưỡi cắt sâu hình thang 20

TMA031



Ứng dụng/khuyến cáo sử dụng

Kim loại/ phù hợp cắt các trục vít và đinh cứng

Cắt inox

Cắt sợi thủy tinh

| Kích thước (mm) | Loại               | Mã số                             |
|-----------------|--------------------|-----------------------------------|
| 20 x 30         | Thanh HM, kim loại | B-39229<br><i>Số lượng có hạn</i> |

### Lưỡi cắt sâu hình cung 32

TMA032



Ứng dụng/khuyến cáo sử dụng

Gỗ/ phù hợp cho việc cắt đòi hỏi độ chính xác

Cắt gỗ mềm

Cắt các phần gỗ trong hốc

| Kích thước (mm) | Loại    | Mã số                             |
|-----------------|---------|-----------------------------------|
| 32 x 40         | HCS, gỗ | B-39235<br><i>Số lượng có hạn</i> |

### Lưỡi cắt sâu hình cung 32

TMA033



Ứng dụng/khuyến cáo sử dụng

Gỗ cứng/ phù hợp cho việc cắt đòi hỏi độ chính xác

Cắt chìm gỗ cứng

Cắt các phần gỗ trong hốc

Cắt chìm tấm laminate

| Kích thước (mm) | Loại         | Mã số                             |
|-----------------|--------------|-----------------------------------|
| 32 x 40         | BiM, gỗ cứng | B-39241<br><i>Số lượng có hạn</i> |

### Lưỡi lọc



### Lưỡi lọc mềm 52

TMA019



Ứng dụng/ khuyến cáo sử dụng

Lọc các chất keo mềm dính bám

Cạo bỏ lớp sơn

Cạo silicon khô cứng

| Kích thước (mm) | Loại | Mã số                             |
|-----------------|------|-----------------------------------|
| 52 x 45         | HCS  | B-21456<br><i>Số lượng có hạn</i> |

### Lưỡi cắt kim cương



### Lưỡi cắt khớp nối

TMA021



Ứng dụng/ Khuyến cáo sử dụng

Cắt các đường ron mềm

Cắt bột trám cửa

Cắt các vật liệu cách nhiệt

| Kích thước (mm) | Loại | Mã số                             |
|-----------------|------|-----------------------------------|
| 28 x 50         | HCS  | B-21478<br><i>Số lượng có hạn</i> |

### Lưỡi cắt đa năng

TMA042



Ứng dụng/ Khuyến cáo sử dụng

Cắt các vật liệu cách nhiệt

Cắt bột trám cửa

Cắt các đường ron mềm

| Kích thước (mm) | Loại | Mã số                             |
|-----------------|------|-----------------------------------|
| 32 x 50         | HCS  | B-46866<br><i>Số lượng có hạn</i> |

Cắt đường chỉ và mài



Lưỡi cắt ron HM (dán gạch)

TMA022



Ứng dụng/ khuyến cáo sử dụng  
Cắt đường chỉ trên tường và sàn gạch  
Cạo vữa, ron dán gạch  
Cạo các rãnh trong hóc hẹp nhất bằng mũi CT



| Kích thước (mm) | Loại      | Mã số                             |
|-----------------|-----------|-----------------------------------|
| 70              | Hạt HM 40 | B-21484<br><i>Số lượng có hạn</i> |

Lưỡi cắt sâu HM 20

TMA028



Ứng dụng/ khuyến cáo sử dụng  
Lưỡi cạo vữa  
Làm sạch vữa  
Cạo vữa trong góc hẹp và đường chỉ gạch



| Kích thước (mm) | Loại      | Mã số                             |
|-----------------|-----------|-----------------------------------|
| 20 x 20         | Hạt HM 50 | B-34811<br><i>Số lượng có hạn</i> |

Lưỡi cưa phân đoạn 85

TMA023



Ứng dụng/ khuyến cáo sử dụng  
Cắt các đường chỉ trên tường và sàn gạch  
Cắt nhỏ hơn đối với gạch tường mềm  
Cắt các rãnh bê tông, dùng đặt ống và dây cáp



| Kích thước (mm) | Loại      | Mã số                             |
|-----------------|-----------|-----------------------------------|
| 85              | Hạt HM 30 | B-21490<br><i>Số lượng có hạn</i> |

Đế nhám



| Kích thước (mm) | Loại      | Mã số                             |
|-----------------|-----------|-----------------------------------|
| 94              | Gai và xù | B-46202<br><i>Số lượng có hạn</i> |

Bộ lưỡi đa năng

Bộ lưỡi dùng cho gạch 1

Lưỡi 20 TMA016  
Lưỡi cưa phân đoạn 85 TMA023  
Đế chà nhám 78 TMA025



| Mã số                             |
|-----------------------------------|
| B-30586<br><i>Số lượng có hạn</i> |

Bộ lưỡi dùng cho sàn 1

Lưỡi cưa phân đoạn 100 TMA005  
Lưỡi cưa phân đoạn 85 TMA006  
Lưỡi cưa 52 mềm TMA019



| Mã số                             |
|-----------------------------------|
| B-30601<br><i>Số lượng có hạn</i> |

Bộ lưỡi dùng cho sàn 2

Lưỡi cưa phân đoạn 85 TMA006  
Lưỡi cưa 65 TMA008  
Lưỡi cưa 32 TMA012  
Lưỡi lọc 52 mềm TMA019



| Mã số                             |
|-----------------------------------|
| B-30617<br><i>Số lượng có hạn</i> |

Bộ lưỡi cho ngành mộc

Lưỡi cưa 28 TMA009  
Lưỡi cưa 32 TMA010  
Lưỡi cưa 20 TMA016  
Lưỡi cưa phân đoạn 85 TMA006



| Mã số                             |
|-----------------------------------|
| B-30623<br><i>Số lượng có hạn</i> |

Bộ lưỡi cho ngành mộc

Lưỡi cưa phân đoạn 85 TMA006  
Lưỡi cưa 28 TMA009  
Lưỡi cưa 32 TMA010  
Đế nhám x2 cái



| Mã số                             |
|-----------------------------------|
| B-30639<br><i>Số lượng có hạn</i> |